

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thị Bích Loan và Phan Thành Hưng** - Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng tới ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở thành phố Hà Nội. **Mã số: 174.1GEMg.11** 3
Factors Affecting the Intention to Accept Pension Through the Bank Account of Pensioner in Hanoi City
- 2. Phùng Thế Đông, Nguyễn Kim Trang và Nguyễn Hương Ly** - Các yếu tố tác động đến cầu tiền ở Việt Nam. **Mã số: 174.1MEco.11** 13
Factors Impact on Money Demand in Vietnam
- 3. Đinh Xuân Bách** - Phát triển thị trường dịch vụ phụ trợ cho hệ thống điện Việt Nam khi tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo tăng cao. **Mã số: 174.1TrEM.12** 25
Development of the Ancillary Services Market for Vietnam's Power System in Situation of Increasing Renewable Energy Sources
- 4. Huỳnh Thị Diệu Linh và Hoàng Thanh Hiền** - An toàn thực phẩm và xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam sang Hoa Kỳ - tiếp cận từ hồi quy chuỗi thời gian. **Mã số: 174.1IHEM.11** 37
Food Safety And Seafood Export From Vietnam To The United States of America - A Time Series Regression Approach

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 5. Mai Thanh Lan, Đinh Thị Hương và Bùi Thị Thu Hà** - Yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp xanh, lợi thế cạnh tranh xanh và phát triển bền vững của giới trẻ Việt Nam. **Mã số: 174.2BAdm.21** 47
Factors that Impact the Green Entrepreneurial Intention, Green Competitive Advantage and Sustainable Development of Vietnam Youth

- 6. Đặng Thị Lan Phương, Lê Thanh Huyền và Vũ Ngọc Diệp** - Tác động của tỉ lệ thu nhập lãi cận biên tới tỉ lệ nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh COVID-19. **Mã số: 174.2.FiBa.21** 62
Impact of Net Interest Margin to the Non - Performing Loan Ratio of Commercial Banks in Vietnam During COVID-19 Period
- 7. Nguyễn Hữu Khôi và Nguyễn Thị Nga** - Giá trị cảm nhận, mua hàng lặp lại và truyền miệng trong bối cảnh bán lẻ: vai trò trung gian của hài lòng và gắn bó cảm xúc. **Mã số: 174.2BMkt.21** 76
Perceived Value, Repurchase and Word-Of-Mouth in the Retailing Context: the Intermediary Roles of Satisfaction and Emotional
- 8. Đàm Thị Thuỷ và Hoàng Thị Ba** - Tác động của việc triển khai thực hành quản lý chất lượng toàn diện đến kết quả hoạt động kinh doanh của các khách sạn: một nghiên cứu điển hình tại Việt Nam. **Mã số: 174.2BAdm.21** 89
Impact of Total quality management practices on hotel's performance: A research in Vietnam

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 9. Phạm Vũ Luận, Hoàng Cao Cường và Chử Bá Quyết** - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận xuất bản điện tử của các nhà xuất bản tại Việt Nam vận dụng khung TOE và lý thuyết khuếch tán đổi mới IDT. **Mã số: 174.3OMIs.31** 103
Studying the Factors that Influence the Decision to Accept Electronic Publishing of Publishers in Vietnam by Applying the TOE Framework and the IDT Innovation Diffusion Theory

NGHIÊN CỨU YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI Ý ĐỊNH CHẤP NHẬN NHẬN LƯƠNG HƯU QUA TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG CỦA NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG HƯU Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Bích Loan
Trường Đại học Thương mại
Email: bichloandhtm@tmu.edu.vn
Phan Thành Hưng
Trường Đại học Kinh tế quốc dân
Email: hungpt.mkt@neu.edu.vn

Ngày nhận: 28/09/2022

Ngày nhận lại: 10/1/2023

Ngày duyệt đăng: 14/1/2023

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng tới ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản của người hưởng lương hưu trên địa bàn thành phố Hà Nội. Mô hình nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở mở rộng mô hình chấp nhận công nghệ (TAM), hai nhân tố mới được thêm vào mang đặc trưng của người dân ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi là cảm nhận bản thân là người hiện đại và cảm nhận bản thân là người truyền thống. Một mẫu gồm 518 người nhận lương hưu bằng tiền mặt trên địa bàn 30 quận, huyện tại Hà Nội. Kết quả cho thấy thái độ và cảm nhận về tính hữu ích của việc nhận lương hưu qua tài khoản ảnh hưởng tích cực tới ý định của người hưởng lương hưu. Trong khi đó, thái độ lại chịu ảnh hưởng của các yếu tố như cảm nhận về tính hữu ích, cảm nhận về tính dễ sử dụng, cảm nhận bản thân là người hiện đại và cảm nhận bản thân là người truyền thống. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm khuyến khích những người đang nhận lương hưu bằng tiền mặt chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng.

Từ khóa: Lương hưu, ngân hàng, TAM

JEL Classifications: H75, C91, N7.

1. Giới thiệu nghiên cứu

Công tác chi trả lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội quản lý và tổ chức thực hiện (Chính phủ, 2020). Đây là bước rất quan trọng vì liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) và là khâu cuối của quá trình tham gia BHXH của người lao động. Tùy thuộc vào điều kiện hoạt động của ngành mà cơ quan BHXH lựa chọn cách thức tổ chức chi trả phù hợp trên từng địa bàn cụ thể sao cho chi phí tiết kiệm nhất nhưng vẫn đảm bảo được chi trả đầy đủ kịp thời, nhanh chóng tiền đến tay người hưởng lương hưu. Hiện nay, người hưởng lương hưu có thể lựa chọn một trong hai hình thức chi trả với những ưu nhược điểm khác nhau là chi trả bằng tiền mặt và chi trả qua tiền gửi ngân hàng. Việc chi trả lương hưu qua tài khoản ngân hàng đã mang lại sự tiện lợi nhanh chóng

nhiều tiện ích, nhất là trong thời gian vừa qua, khi dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương. Mặc dù, phương thức chi trả lương hưu qua tài khoản ngân hàng có nhiều ưu điểm, tuy nhiên, hiện người hưởng lương hưu vẫn còn nhiều băn khoăn về việc nhận lương hưu qua tài khoản (Kim Vũ, 2020), do đó vẫn còn nhiều người hưởng lương hưu không muốn nhận qua tài khoản ngân hàng. Theo cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội, đến năm 2020 mới chỉ có khoảng 24% người hưởng lương hưu trên địa bàn thành phố chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng (Lê Khanh, 2020).

Thực trạng trên đòi hỏi phải có nghiên cứu để tìm hiểu về những yếu tố ảnh hưởng tới ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu. Tuy nhiên, theo hiểu biết của các tác

già thì các nghiên cứu về vấn đề này còn khá hiếm tại Việt Nam. Trong khi đó, các nghiên cứu nước ngoài dường như cũng không chú ý nhiều tới vấn đề này khi mà việc thanh toán, nhận tiền qua ngân hàng là rất quen thuộc với họ. Do đó, việc có một nghiên cứu về ý định chấp nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở Hà Nội là rất cần thiết. Nghiên cứu sử dụng mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) của David (1989) và mở rộng với hai nhân tố mang tính đặc trưng của người dân ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam là cảm nhận bản thân là người truyền thống và cảm nhận bản thân là người hiện đại. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở Hà Nội bị ảnh hưởng bởi thái độ của họ đối với hành vi này và cảm nhận về tính hữu ích của việc nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng mang lại. Đồng thời nghiên cứu cũng chỉ ra cảm nhận bản thân là người hiện đại, cảm nhận về tính hữu ích, cảm nhận về tính dễ sử dụng của việc nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng ảnh hưởng tích cực tới thái độ. Trong khi đó, cảm nhận bản thân là người truyền thống lại là một yếu tố gây cản trở khi có tác động tiêu cực tới thái độ của người hưởng lương hưu với phương thức nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng.

Bài viết có sáu nội dung, gồm: giới thiệu nghiên cứu; tổng quan lý thuyết, giả thuyết và mô hình nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu; thảo luận kết quả nghiên cứu và một số hàm ý chính sách; cuối cùng là những đóng góp và một số hạn chế của nghiên cứu.

2. Tổng quan lý thuyết, giả thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

Lương hưu

Tại Việt Nam, hiện vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về “lương hưu”, ngay cả trong luật bảo hiểm xã hội cũng không nêu rõ về khái niệm này. Tuy nhiên, theo văn bản hợp nhất về luật Bảo hiểm Xã hội, có thể hiểu “lương hưu là khoản phí được chi trả cho người lao động đã đến tuổi về hưu theo quy định của pháp luật” (Quốc hội, 2018). Lương hưu được coi là một trong những biện pháp quan trọng giúp ổn định xã hội, qua đó giúp các quốc gia đạt được mục tiêu phát triển bền vững (Ilo, 2018), khi cung cấp một khoản chi phí cần thiết cho các nhu cầu cơ bản cho người hết độ tuổi lao động. Theo tổ chức lao động quốc tế (ILO), chế độ lương hưu đã chứng tỏ là một công cụ hữu hiệu trong

việc đảm bảo an ninh thu nhập của người cao tuổi, cũng như chống đói nghèo và bất bình đẳng xã hội.

Ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng (Intention to accept pension through the bank account - INT)

Theo Fishbein và Ajzen, ý định thực hiện hành vi là yếu tố tốt nhất để dự đoán hành vi của con người (Ajzen, 1991) và nhiều nghiên cứu cũng đã thống nhất với nhận định này. Một số nghiên cứu còn thể hiện mức độ dự đoán hành vi cao của ý định thực hiện hành vi bằng việc ngầm định coi ý định và hành vi là một (Nguyễn Vũ Hùng và cộng sự., 2016).

Ý định thực hiện một hành vi được coi là tập hợp các yếu tố mang tính động lực ảnh hưởng tới một hành vi, ý định là dấu hiệu cho thấy một cá nhân sẵn sàng tới mức nào để lên kế hoạch và thực hiện hành vi (Ajzen, 1991). Với hành vi chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng, ý định thực hiện hành vi được coi là sự sẵn sàng nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu.

2.2. Lý thuyết sử dụng trong nghiên cứu

Về bản chất, việc chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng có thể coi là hành vi chấp nhận dịch vụ chi trả lương hưu của ngân hàng. Người hưởng lương sẽ chuyển từ một hình thức nhận lương “thủ công” là ký, nhận và kiểm đếm tiền mặt bằng tay... sang một hình thức nhận lương “công nghệ” hơn, hiện đại hơn là hàng tháng tiền được tự động chuyển vào tài khoản ngân hàng, kèm theo đó là các công nghệ liên quan như thông báo số dư, truy xuất số dư, rút tiền qua cây ATM, thậm chí là chuyển tiền qua điện thoại... Do đó, mô hình chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM) là một trong những mô hình phù hợp để sử dụng cho nghiên cứu này. TAM là mô hình được Davis (1989) xây dựng dựa trên thuyết hành vi hợp lý của Ajzen và Fishbein (1975). Theo Davis, việc một cá nhân, tổ chức chấp nhận sử dụng một công nghệ nào đó sẽ phụ thuộc vào cảm nhận của họ về sự hữu ích của công nghệ và tính dễ sử dụng, tiếp cận của công nghệ đó (Davis, 1989; Venkatesh và cộng sự., 2003). TAM nhằm giải thích và thực sự đã giải thích tốt hơn, khả năng lựa chọn, chấp nhận một công nghệ, một sản phẩm nào đó so với mô hình thuyết hành vi hợp lý của Fishbein và Ajzen (Ndubisi, 2006).

2.3. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Thái độ đối với hành vi nhận lương hưu qua ngân hàng (Attitudes towards the behavior of receiving pensions through banks - ATT)

Thái độ với một hành vi được Fishbein và Ajzen định nghĩa là tình cảm tích cực hoặc tiêu cực của cá nhân về việc thực hiện một hành vi cụ thể (Armitage và Conner, 2001). Thái độ với hành vi của một cá nhân được đo bằng mức độ tán thành hay không tán thành với hành vi của cá nhân đó (Ajzen, 1991). Như vậy, thái độ với hành vi chấp nhận nhận lương hưu của người hưởng lương hưu được định nghĩa là tình cảm tích cực hay tiêu cực của người tiêu dùng đối với hành vi nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng. Theo Ajzen và Fishbein (1975) thì thái độ có hai loại. Thứ nhất là thái độ đối với một hiện tượng, một sự vật, một đối tượng nào đó, như: một tòa nhà, một sản phẩm, vấn đề chủng tộc, các tôn giáo, chính sách của chính phủ... Thứ hai là thái độ đối với một hành vi cụ thể nào đó hướng tới một đối tượng hay mục tiêu nào đó, đây được gọi là thái độ đối với hành vi, đây là khái niệm mà Fishbein và Ajzen sử dụng trong lý thuyết Hành vi hợp lý (TRA) (Ajzen và Fishbein, 2005), và sau này cũng được Davis (1989) sử dụng trong mô hình chấp nhận công nghệ.

Rất nhiều nghiên cứu trước đây khẳng định, thái độ là một trong những yếu tố dự báo tốt cho ý định thực hiện hành vi của các cá nhân (Ajzen và Fishbein, 2005). Tương tự với các nghiên cứu sử dụng TAM trong ngành ngân hàng, các tác giả cũng chỉ ra thái độ đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng tích cực tới ý định (Fawzy và Esawai, 2017; Glavee-Geo và cộng sự., 2017; Zhang và cộng sự., 2018; Siyal và cộng sự., 2019). Từ những lập luận trên, chúng tôi đưa ra giả thuyết như sau:

H1: Thái độ ảnh hưởng tích cực tới ý định nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở Hà Nội.

Cảm nhận về tính hữu ích và tính dễ sử dụng của việc nhận lương hưu qua ngân hàng

Theo Davis (1989), việc một cá nhân chấp nhận hay từ bỏ một công nghệ nào đó có rất nhiều nguyên nhân, trong đó có hai nguyên nhân rất quan trọng. Đầu tiên là cảm nhận về tính hữu ích (Perceived Usefulness - PU). Việc một người sử dụng hay từ chối lựa chọn một công nghệ xuất phát từ việc đánh giá khả năng của công nghệ khi thực hiện công việc của họ hiệu quả hơn. Cảm nhận về tính hữu ích chính là mức độ mà một cá nhân tin rằng một công nghệ nào đó sẽ làm tăng hiệu quả của công việc của họ (Davis, 1989; Venkatesh và cộng sự., 2003). Thứ hai là cảm nhận về tính dễ sử dụng (Perceived Ease of Use - PEU). Một cá nhân có

thể cảm nhận rằng một công nghệ nào đó rất có ích cho công việc của họ. Tuy nhiên, nếu công nghệ đó lại quá khó để sử dụng, lúc đó, lợi ích thu được từ việc áp dụng công nghệ có thể không tương xứng với những nỗ lực mà họ phải bỏ ra để áp dụng công nghệ. Do đó, bên cạnh cảm nhận về tính hữu ích, việc lựa chọn và áp dụng một công nghệ còn phụ thuộc vào cảm nhận về sự dễ sử dụng của người dùng về công nghệ đó (Davis, 1989; Venkatesh và cộng sự., 2003).

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra cảm nhận về tính hữu ích ảnh hưởng tích cực tới thái độ (Fawzy và Esawai, 2017; Glavee-Geo và cộng sự., 2017; Zhang và cộng sự., 2018; Siyal và cộng sự., 2019), ý định chấp nhận sử dụng dịch vụ của ngân hàng (Khrais, 2017; Siyal và cộng sự., 2019). Đồng thời, cảm nhận về tính dễ sử dụng cũng có ảnh hưởng tích cực tới cảm nhận về tính hữu ích (Khrais, 2017; Siyal và cộng sự., 2019) và thái độ đối với việc chấp nhận sử dụng dịch vụ của ngân hàng (Fawzy và Esawai, 2017; Glavee-Geo và cộng sự., 2017; Zhang và cộng sự., 2018; Siyal và cộng sự., 2019).

Trên cơ sở những phân tích ở trên, chúng tôi đề xuất các giả thuyết sau:

H2a: Cảm nhận về tính hữu ích về việc nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng ảnh hưởng tích cực tới thái độ đối với việc chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở Hà Nội.

H2b: Cảm nhận về tính hữu ích về việc nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng ảnh hưởng tích cực tới ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở Hà Nội.

H3a: Cảm nhận về tính dễ sử dụng ảnh hưởng tích cực tới cảm nhận về tính hữu ích của việc nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở Hà Nội.

H3b: Cảm nhận về tính dễ sử dụng ảnh hưởng tích cực tới thái độ đối với việc nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở Hà Nội.

Cảm nhận về bản thân

Trong nghiên cứu của mình về các đặc điểm của người tiêu dùng trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi, Mai và cộng sự (2009) đã phát triển hai khái niệm quan trọng là cảm nhận bản thân là người hiện đại (Perceived Modern Self - MS) và cảm nhận bản thân là người truyền thống (Perceived Traditional Self - TS). Theo các tác giả này, cảm nhận bản thân là người truyền thống là mức độ mà một cá nhân có quan niệm về bản thân phù hợp với những chuẩn mực, giá trị,

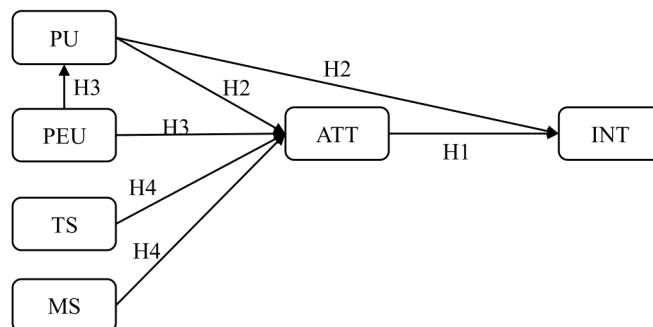
niềm tin thịnh hành ở thời kì trước đổi mới (Mai và cộng sự., 2009). Ở góc độ ngược lại, cảm nhận bản thân là người hiện đại là mức độ mà một cá nhân quan niệm bản thân phù hợp với những chuẩn mực, giá trị và niềm tin được du nhập từ những nước phát triển sau khi quá trình đổi mới bắt đầu (Mai và cộng sự., 2009).

Trong các nghiên cứu trước đây, với bối cảnh ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam, cảm nhận bản thân là người truyền thống và cảm nhận bản thân là người hiện đại đã giải thích tốt cho thái độ đối

hưu qua tài khoản ngân hàng. Với những phân tích trên, chúng tôi đề xuất các giả thuyết nghiên cứu sau:

H4a: cảm nhận bản thân là người truyền thống có ảnh hưởng tiêu cực tới thái độ đối với hành vi nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người nhận lương hưu ở Hà Nội.

H4b: cảm nhận bản thân là người hiện đại có ảnh hưởng tích cực tới thái độ đối với hành vi nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người nhận lương hưu ở Hà Nội.



(Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất)

Hình 1: Mô hình nghiên cứu

với các hành vi của người tiêu dùng ở Việt Nam, đặc biệt là những hành vi gắn với những sản phẩm có tính xu hướng, hoặc gắn với công nghệ cao, như sản phẩm xanh (Huong và Hung, 2020) hay sản phẩm hữu cơ (Mai và cộng sự, 2018).

Trong nghiên cứu này, với hành vi chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng, chúng tôi cho rằng những người có cảm nhận bản thân là người truyền thống sẽ là những người có thái độ tiêu cực hơn so với người có cảm nhận bản thân là người hiện đại. Thật vậy, những người có cảm nhận bản thân là người truyền thống thường là những người có học vấn thấp hơn, già hơn và ít có xu hướng khám phá những cái mới hơn (Mai và cộng sự., 2009). Do đó họ sẽ khó khăn hơn trong việc học sử dụng những công nghệ mới, ví dụ như việc sử dụng điện thoại để kiểm tra số lượng và thời điểm tiền lương hưu được chuyển vào tài khoản... Điều này kéo theo họ sẽ có thái độ không tích cực đối với hành vi nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng. Ngược lại, những người có cảm nhận bản thân là người hiện đại thường là những người có học vấn cao hơn, trẻ hơn và có xu hướng thích khám phá những cái mới hơn (Mai và cộng sự., 2009). Do đó, họ sẽ có thái độ tích cực hơn đối với hành vi nhận lương

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thang đo

Thang đo sử dụng trong nghiên cứu được viết hóa và chỉnh sửa cho phù hợp với nghiên cứu từ các thang đo gốc đã sử dụng trong các nghiên cứu trước đây. Trong đó, thang đo về cảm nhận về tính hữu ích (gồm 5 biến quan sát, được mã hóa từ PU1 tới PU5) và cảm nhận về tính dễ sử dụng (gồm 6 biến quan sát, được mã hóa từ PEU1 tới PEU6) được kế thừa từ nghiên cứu của Davis (1989). Thang đo về cảm nhận bản thân là người truyền thống (gồm 5 biến quan sát, được mã hóa từ TS1 tới TS5) và cảm nhận bản thân là người hiện đại (gồm 5 biến quan sát, được mã hóa từ MS1 tới MS5) kế thừa từ nghiên cứu của Mai và cộng sự (2009). Thang đo về thái độ (gồm 3 biến quan sát, được mã hóa từ ATT1 tới ATT3) và ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng (gồm 3 biến quan sát, được mã hóa từ INT1 tới INT3) được kế thừa từ Armitage và Conner (2001).

3.2. Mẫu và thu thập dữ liệu

Mẫu được thu thập bằng phương pháp thuận tiện. Các đối tượng được khảo sát để phục vụ cho nghiên cứu là người được hưởng lương hưu trên địa bàn Hà Nội. Các bảng hỏi được in và phát tới tận tay người đang

hưởng lương hưu thông qua các buổi chi trả lương hưu trực tiếp tại các quận, huyện của Hà Nội. Trước khi tham gia vào trả lời bảng hỏi, các đối tượng được thông báo về mục đích của cuộc nghiên cứu, các cam kết bảo mật thông tin khảo sát. Các đối tượng cũng được thông báo về việc tự nguyện tham gia nghiên cứu, có nghĩa là họ hoàn toàn có thể lựa chọn không tham gia khảo sát nếu cảm thấy không thoải mái. Tổng số phiếu khảo sát phát ra là 700 phiếu, số phiếu thu về là 565 phiếu, chiếm tỉ lệ 80,1%. Sau khi làm sạch dữ liệu, loại đi các phiếu trả lời không đầy đủ thông tin, số phiếu còn lại đưa vào phân tích là 518 phiếu, chiếm tỉ lệ 91,2%. Dưới đây là bảng cơ cấu mẫu:

Bảng 1: Cơ cấu mẫu

		Tần suất	Tỉ lệ	Tỉ lệ cộng dồn
Giới	Nam	283	54.6	54.6
	Nữ	235	45.4	100.0
	Tổng	518	100.0	
Học vấn	Chưa tốt nghiệp cấp 3	175	33.8	33.8
	Tốt nghiệp cấp 3	212	40.9	74.7
	Tốt nghiệp ĐH/CĐ	103	19.9	94.6
	Tốt nghiệp sau đại học	28	5.4	100.0
	Tổng	518	100.0	

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Phân tích nhân tố khám phá và kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha

Phân tích nhân tố khám phá bằng EFA được thực hiện với phép trích principal axis factoring kết hợp với phép xoay xiên promax, đây là phép xoay cho kết quả khám phá nhân tố tốt hơn so với phép xoay trực giao (Hair và cộng sự., 2014). Sau đó, chúng tôi thực hiện kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha, kết quả được thể hiện trong bảng sau:

Kết quả phân tích nhân tố cho thấy các biến quan sát hội tụ về 6 nhân tố, lần lượt là cảm nhận về tính hữu ích, cảm nhận về tính dễ sử dụng, thái độ đối với hành vi nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng, ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng, cảm nhận bản thân là người truyền thống và cảm nhận bản thân là người hiện đại. Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy các thang đo đều có giá trị Cronbach's Alpha lớn hơn 0.8, các giá trị tương quan với biến tổng

đều lớn hơn 0.3. Như vậy, các biến quan sát đã tải về 6 nhân tố như mong đợi, các thang đo đều có độ tin cậy cao, không có biến quan sát nào là biến rác cần phải loại bỏ.

4.2. Phân tích nhân tố khẳng định và kiểm định giả thuyết nghiên cứu

4.2.1. Kết quả phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

Kết quả kiểm định các chỉ số về độ phù hợp của mô hình (xem bảng 3) cho thấy các giá trị về độ phù hợp đều ở mức tốt. Cụ thể chỉ số Chi-square/df bằng 1.936. Các chỉ số CFI, GFI, TLI lần lượt bằng 0.965, 0.921, và 0.960. Cuối cùng là chỉ số RMSEA bằng 0.043. Theo Hair và cộng sự (2014) các chỉ số này của mô

hình đều ở mức tốt. Cụ thể, Chi-square/df nên nhỏ hơn 3, CFI, GFI và TLI nên lớn hơn 0.9 và RMSEA nên nhỏ hơn 0.05.

Tiếp theo, nghiên cứu kiểm định độ tin cậy, độ hội tụ và độ phân biệt. Các chỉ số Standardized Regression Weights phần lớn đều lớn hơn 0.7, chỉ có hai giá trị của TS1 và TS2 bằng 0.644 và 0.682, tuy nhiên các giá trị này vẫn lớn hơn 0.5 do đó vẫn chấp nhận được (Hair và cộng sự., 2014). Kết quả bảng 4 cho thấy các giá trị CR đều lớn hơn 0,7; các giá trị AVE đều lớn hơn 0.5; các giá trị MSV đều nhỏ hơn AVE tương ứng và các giá trị Square Root of AVE đều lớn hơn các giá trị Inter-Construct Correlation. Do đó, có thể kết luận các thang đo đều có độ tin cậy, giá trị phân biệt và hội tụ được đảm bảo (Hair và cộng sự., 2014), có thể đưa vào kiểm định giả thuyết nghiên cứu.

4.2.2. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Trước khi kiểm định giả thuyết, tác giả thực hiện đánh giá các chỉ số về độ phù hợp của mô hình phương

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát với phần mềm SPSS 23)

Bảng 2: Kết quả phân tích nhân tố và kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha

Biến quan sát	Mã hóa	Hệ số tải nhân tố	Tương quan với biến tổng	Cronbach's Alpha
1. Nhận lương hưu qua ngân hàng là hiệu quả	PU1	.751	.704	0.889
2. Nhận lương hưu qua ngân hàng là dễ dàng	PU2	.791	.699	
3. Nhận lương hưu qua ngân hàng là nhanh chóng	PU3	.809	.741	
4. Nhận lương hưu qua ngân hàng là tiện lợi	PU4	.814	.764	
5. Nói chung nhận lương hưu qua ngân hàng là hữu ích	PU5	.778	.747	
1. Học cách nhận lương hưu qua ngân hàng khá dễ dàng với tôi	PEU1	.797	.731	0.922
2. Tôi dễ dàng kiểm soát được việc nhận lương hưu qua ngân hàng	PEU2	.714	.720	
3. Nhận lương hưu qua ngân hàng rất linh hoạt	PEU3	.848	.832	
4. Tôi dễ dàng trở nên thuận thực việc nhận lương hưu qua ngân hàng	PEU4	.823	.799	
5. Tôi dễ dàng nhận được sự trợ giúp trong việc nhận lương hưu qua ngân hàng	PEU5	.864	.828	
6. Thủ tục nhận lương hưu qua ngân hàng là rõ ràng	PEU6	.817	.770	
1. Nhận lương hưu qua ngân hàng là một ý tưởng tốt	ATT1	.665	.673	0.856
2. Nhận lương hưu qua ngân hàng là một ý tưởng sáng suốt	ATT2	.969	.807	
3. Tôi thích ý tưởng nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng	ATT3	.766	.717	
1. Tôi sẽ nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng trong thời gian tới	INT1	.797	.742	0.886
2. Tôi có xu hướng muốn nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng	INT2	.926	.813	
3. Tôi dự tính sẽ nhận lương hưu qua ngân hàng	INT3	.805	.784	
1. Tôi luôn cố gắng sống một cuộc sống tiết kiệm	TS1	.720	.614	0.863
2. Tôi cảm thấy cần thận trọng khi mua và sử dụng sản phẩm mới	TS2	.743	.647	
3. Tôi thích sử dụng các sản phẩm và dịch vụ truyền thống đáng kể	TS3	.820	.741	
4. Đối với tôi, điều quan trọng là tôn trọng ý kiến của người khác về bản thân mình	TS4	.709	.708	
5. Đối với tôi, điều quan trọng là quan sát và bảo tồn các giá trị truyền thống trong các mối quan hệ xã hội của chúng ta	TS5	.736	.703	
6. Tôi thích những người ăn mặc theo cách hiện đại và thời trang	MS1	.834	.699	0.855
7. Tôi nghĩ rằng điều quan trọng là tận hưởng cuộc sống một cách sung sướng	MS2	.719	.676	
8. Tôi thích lối sống hiện đại	MS3	.758	.713	
9. Tôi thích thử các sản phẩm và dịch vụ mới	MS4	.671	.607	
10. Tôi nghĩ rằng những thay đổi làm tăng thêm sự phấn khích cho cuộc sống của một người	MS5	.708	.649	

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát với phần mềm SPSS 23)

Bảng 3: Kiểm định độ phù hợp của mô hình

Chỉ báo	Chi-square/df	Chi-square	df	CFI	GFI	TLI	RMSEA
Giá trị	1.936	598.37	309	0.965	0.921	0.960	0.043

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát với phần mềm AMOS 24)

Bảng 4: Kiểm định độ tin cậy, phân biệt, và hội tụ

	CR	AVE	MSV	MaxR(H)	PEU	PU	MS	TS	INT	ATT
PEU	0.93	0.67	0.29	0.931	0.82					
PU	0.89	0.62	0.11	0.893	0.227***	0.786				
MS	0.86	0.54	0.25	0.86	0.345***	0.264***	0.737			
TS	0.86	0.56	0.25	0.874	-0.333***	-0.159**	-0.500***	0.749		
INT	0.89	0.73	0.35	0.894	0.459***	0.284***	0.368***	-0.232***	0.852	
ATT	0.86	0.68	0.35	0.889	0.541***	0.324***	0.454***	-0.449***	0.588***	0.824

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát với phần mềm AMOS 24)

Bảng 5: Các chỉ số về độ phù hợp của mô hình phương trình cấu trúc

Chỉ báo	Chi-square/df	Chi-square	df	CFI	GFI	TLI	RMSEA
Giá trị	2.007	722.696	360	0.956	0.910	0.951	0.044

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát với phần mềm AMOS 24)

Bảng 6: Kết quả kiểm định giả thuyết

			Ước lượng	t-value	P
PU	<---	PEU	0.232	4.767	***
ATT	<---	PU	0.161	3.844	***
ATT	<---	PEU	0.389	7.987	***
ATT	<---	MS	0.192	3.777	***
ATT	<---	TS	-0.200	-3.935	***
INT	<---	PU	0.103	2.336	0.019
INT	<---	ATT	0.564	10.707	***
INT	<---	Sex	0.018	0.465	0.642
INT	<---	Edu	0.016	0.417	0.677

(Nguồn: Dữ liệu khảo sát với phần mềm AMOS 24)

trình cấu trúc. Kết quả kiểm định cho thấy các chỉ số về độ phù hợp của mô hình đều đạt (xem bảng 5)

Kết quả kiểm định giả thuyết cho thấy các giá trị R² của các biến phụ thuộc PU, ATT và INT lần lượt là 0.054, 0.435, và 0.366. Nghĩa là có tới 43,5% sự biến thiên của nhân tố thái độ được giải thích bởi các nhân tố có trong mô hình, đồng thời có 36,6% sự thay đổi của ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản

ngân hàng của người nhận lương hưu ở Hà Nội. Trong khi đó, chỉ có 5,4% sự thay đổi của cảm nhận về tính hữu ích của việc nhận lương hưu qua tài khoản được giải thích bởi các nhân tố có trong mô hình.

Về mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc. Đầu tiên là sự ảnh hưởng thuận chiều của cảm nhận về tính dễ sử dụng tới cảm nhận về tính hữu ích, với $\beta_{PEU \rightarrow PU} = 0.232$, t-value = 4.767, do đó giả

thuyết H3a được chấp nhận. Tiếp theo là ảnh hưởng của các nhân tố tới biến phụ thuộc thái độ đối với hành vi nhận lương hưu qua tài khoản. Như mong đợi, các nhân tố cảm nhận về tính hữu ích, cảm nhận về tính dễ sử dụng, và cảm nhận bản thân là người hiện đại ảnh hưởng thuận chiều tới thái độ. Trong đó, ảnh hưởng mạnh nhất là nhân tố cảm nhận về tính dễ sử dụng ($\beta_{PEU \rightarrow ATT} = 0.389$, $t\text{-value} = 7.987$), tiếp đến là cảm nhận bản thân là người hiện đại ($\beta_{MS-ATT} = 0.192$, $t\text{-value} = 3.777$) và cuối cùng là ảnh hưởng của cảm nhận về tính hữu ích ($\gamma_{PU-ATT} = 0.161$, $t\text{-value} = 3.844$). Do đó, các giả thuyết H2a, H3b và H4b được chấp nhận. Như dự đoán, cảm nhận bản thân là người truyền thống là yếu tố gây ảnh hưởng tiêu cực và khá mạnh tới thái độ ($\beta_{TS-ATT} = -0.200$, $t\text{-value} = -3.935$), do đó giả thuyết H4a được chấp nhận. Cuối cùng là ảnh hưởng của các nhân tố trong mô hình tới ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản. Kết quả kiểm định cho thấy cả thái độ và cảm nhận về tính hữu ích đều ảnh hưởng thuận chiều tới ý định. Trong đó, thái độ có ảnh hưởng mạnh hơn ($\gamma_{ATT-INT} = 0.564$, $t\text{-value} = 10.707$) so với cảm nhận về tính hữu ích ($\gamma_{PU-INT} = 0.103$, $t\text{-value} = 2,336$). Do đó các giả thuyết H1 và H2b được hỗ trợ. Các yếu tố thuộc về nhân khẩu học, như giới và học vấn không ảnh hưởng tới ý định chấp nhận nhận lương hưu qua ngân hàng của người hưởng lương hưu, với $t\text{-value}$ của giới tính = 0.465, và $t\text{-value}$ của học vấn = 0.417.

5. Thảo luận về kết quả nghiên cứu và một số hàm ý chính sách.

Nghiên cứu đã cho thấy thái độ có ảnh hưởng tích cực tới ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở Hà Nội. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu trước về ảnh hưởng của thái độ tới ý định, như nghiên cứu của Fawzy và Esawai, (2017); Glavee-Geo và cộng sự., (2017); Zhang và cộng sự., (2018); Siyal và cộng sự., (2019). Điều này thể hiện, thái độ luôn đóng vai trò quan trọng trong việc dự báo ý định thực hiện hành vi của các cá nhân. Điều này hàm ý rằng, việc cần làm của các nhà hoạch định chính sách, muốn khuyến khích người hưởng lương hưu chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng, trước hết phải thay đổi được thái độ của họ.

Tiếp theo là ảnh hưởng thuận chiều của cảm nhận về tính hữu ích tới ý định, kết quả này ủng hộ các nghiên cứu trước đây, như: Khrais (2017); Siyal và cộng sự., (2019). Ảnh hưởng dương của cảm nhận về tính dễ sử dụng tới cảm nhận về tính hữu ích tương đồng với nhận định của Davis (1989) về mối quan hệ giữa hai nhân tố này, đồng thời kết quả này cũng ủng hộ các nghiên cứu trước đây, như: Khrais (2017); Siyal và cộng sự., (2019). Tiếp theo, kết quả nghiên cứu chỉ ra thái độ đối với hành vi nhận lương hưu qua tài khoản chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố như cảm nhận về tính hữu ích, cảm nhận về tính dễ sử dụng, cảm nhận bản thân là người hiện đại và cảm nhận bản thân là người truyền thống. Các kết quả này ủng hộ các nghiên cứu trước đây như: Fawzy và Esawai (2017); Glavee-Geo và cộng sự., (2017); Zhang và cộng sự., (2018); Siyal và cộng sự., (2019); Huong và Hung (2019); Mai và cộng sự (2016).

Các kết quả này hàm ý rằng, để người hưởng lương hưu có ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng, ngoài việc thay đổi thái độ của họ, các cơ quan hữu quan nên tập trung chỉ rõ cho họ những lợi ích của việc nhận tiền qua tài khoản ngân hàng như: nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, không mất công sức đi lại... Đặc biệt, khi nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng, người hưởng lương thường phải mở tài khoản, hoặc mở thẻ ATM để thuận tiện cho việc rút tiền. Hiện các việc này đều phải mất phí và phải có số dư tài khoản tối thiểu trong ngân hàng. Mặc dù số tiền này là không lớn, nhưng với những người về hưu, với khả năng tài chính eo hẹp, việc phải mất một khoản tiền để tạo số dư tối thiểu, hoặc một khoản chi phí nhỏ để mở thẻ ATM cũng gây nên những cản trở nhất định đối với họ. Do đó, các ngân hàng và các cơ quan chức năng nên xem xét để có thể hỗ trợ người hưởng lương hưu miễn phí mở thẻ ATM, đồng thời bỏ quy định về số dư duy trì tài khoản đối với những đối tượng này.

Ngoài ra, vai trò quan trọng của cảm nhận về tính dễ sử dụng đối với thái độ và cảm nhận về tính hữu ích cho thấy rằng sự bất tiện và khó sử dụng các phương tiện, phần mềm, thẻ ATM... có thể làm giảm cảm nhận về tính hữu ích của việc nhận lương hưu qua tài khoản, qua đó ảnh hưởng cả trực tiếp tới thái độ đối với hành vi này. Do đó, các cơ quan chức năng, nhất là các ngân

hàng phải nghiên cứu để giảm bớt những bất tiện cho khách hàng khi sử dụng những phương tiện, phần mềm... này. Ví dụ như việc rút tiền qua thẻ ATM thường người đọc phải đọc hướng dẫn ở trên màn hình máy ATM để thao tác, trong khi các đối tượng nhận lương hưu thường là người già và khả năng nhìn của họ không còn tốt. Vì vậy, việc thiết kế hỗ trợ trên cây ATM cũng cần phải chú ý tới điều này. Ngoài ra, việc các cây ATM hiện nay tập trung nhiều ở các khu đô thị, các thành phố, trong khi đó ở các vùng nông thôn mật độ cây ATM khá thưa thớt. Điều này cũng gây nên sự bất tiện cho người nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng, qua đó làm giảm sự ủng hộ của họ đối với việc nhận lương hưu qua ngân hàng.

Nghiên cứu cũng chỉ ra ảnh hưởng tiêu cực của cảm nhận bản thân là người truyền thống tới thái độ đối với hành vi nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng. Điều này gợi ý cho các nhà làm chính sách cần phải nỗ lực hơn nữa nhằm tới đối tượng này. Về bản chất, những đối tượng là người có cảm nhận bản thân là người truyền thống ưa thích những gì đã là thói quen, họ ngại thay đổi, ngại học cái mới. Do đó, việc cải tiến hệ thống giao diện của cây ATM, bố trí thêm ATM hay những biện pháp tương tự là chưa đủ. Giải pháp cho vấn đề này nằm ở khâu tuyên truyền, những buổi sinh hoạt câu lạc bộ người cao tuổi, sinh hoạt chi bộ Đảng có lồng ghép các vở kịch, các buổi nói chuyện về việc nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng có thể giúp làm thay đổi tư duy của họ.

6. Một số đóng góp, hạn chế của nghiên cứu

Đây dường như là một trong các nghiên cứu học thuật hiếm hoi về chủ đề ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng ở Hà Nội nói riêng và ở Việt Nam nói chung, trong bối cảnh các nghiên cứu ở Việt Nam về vấn đề này, theo hiểu biết của chúng tôi, còn khá khiêm tốn. Do đó, nghiên cứu đã đóng góp và làm phong phú thêm những hiểu biết về ý định chấp nhận nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu ở Hà Nội. Thêm vào đó, nghiên cứu cũng đã cho thấy ảnh hưởng của hai nhân tố mang tính đặc trưng của người dân ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi như Việt Nam tới thái độ của họ là cảm nhận bản thân là người hiện đại và cảm nhận bản thân là người truyền thống. Điều này phù hợp với

những kêu gọi gần đây của các nhà nghiên cứu về việc chú trọng hơn tới ảnh hưởng của các yếu tố “tiểu văn hóa” tới hành vi của con người. Từ những khám phá về lý thuyết này, nhóm tác giả đã đưa ra một số hàm ý cho các nhà làm chính sách nhằm làm tăng tỉ lệ người hưởng lương hưu chấp nhận nhận lương hưu qua ngân hàng trên địa bàn Hà Nội.

Bên cạnh những đóng góp đáng kể về học thuật và thực tiễn, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế gợi ý cho các nghiên cứu sau. Thứ nhất là mẫu thu thập là mẫu thuận tiện, đây là phương pháp thu thập mẫu có ưu điểm là dễ thu thập, phù hợp với các nghiên cứu hạn chế về nguồn lực. Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra những hạn chế của phương pháp thu thập mẫu này, do đó trong các nghiên cứu sau, các tác giả có thể sử dụng các phương pháp thu thập mẫu khác có độ tin cậy cao hơn, như mẫu xác suất, phân tầng... Hạn chế tiếp theo là nghiên cứu chưa tiến hành phân tích sự khác biệt về ý định giữa những người hưởng lương ở thành thị, nơi có nhiều điều kiện để tiếp xúc với ngân hàng và cây ATM, với những người hưởng lương hưu ở nông thôn, nơi ít có điều kiện để có thể tiếp xúc với các dịch vụ của ngân hàng. Những yếu tố này có thể làm thay đổi cảm nhận về tính dễ sử dụng, từ đó ảnh hưởng tới ý định nhận lương hưu qua tài khoản ngân hàng của người hưởng lương hưu. Đây cũng là một gợi ý cho các nghiên cứu sau có thể tiến hành so sánh về ảnh hưởng của các nhân tố trong mô hình ở hai nhóm người khác nhau sống ở thành thị và nông thôn, thậm chí là ở các vùng miền khác nhau, điều này có thể mang lại những kết quả thú vị cho các nghiên cứu trong tương lai. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Ajzen, I. (1991). The Theory of Planned Behavior, *Organizational behavior and human decision processes*, 50, 33.
2. Ajzen, I. & Fishbein, M. 2005. *The Influence of Attitudes on Behavior*, United State of American, Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum Associates.
3. Armitage, C. J. & Conner, M. (2001). Efficacy of the theory of planned behaviour: A meta-analytic review. *The British Journal of Social Psychology*, 40, 471.

4. Chính Phủ 2020. Nghị định 89/2020: Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. In: PHŪ, C. (ed.). Việt Nam: Chính Phủ.
5. Davis, F. D. (1989). Perceived Usefulness, Perceived Ease of Use, and User Acceptance of Information Technology *MIS Quarterly*, 13, 319-340.
6. Fawzy, S. F. & Esawai, N. *Internet banking adoption in Egypt: Extending technology acceptance model*. 2017.
7. Glavee-Geo, R., Shaikh, A. & Karjaluo, H. (2017). Mobile banking services adoption in Pakistan: Are there gender differences? *International Journal of Bank Marketing*, 35, 1088-1112.
8. Hair, J. F. J., Black, W. C., Babin, B. J. & Anderson, R. E. 2014. *Multivariate Data Analysis*, United States of America, Pearson.
9. Huong, L. T. & Hung, P. T. (2020). Factors affecting intention to use reusable bags for shopping of Vietnamese urban consumers. *Jour of Adv Research in Dynamical & Control Systems*, 12, 1190-1199.
10. Ilo (2018). Social protection for older persons: Policy trends and statistics. *Social protection policy paper*, 17, 1-143.
11. Khrais, L. (2017). Framework for measuring the convenience of advanced technology on user perceptions of Internet banking systems. *Journal of Internet Banking and Commerce*, 22.
12. Kim Vũ. 2020. *Trả lương hưu qua thẻ ATM - nhiều nỗi băn khoăn* [Online]. Hà Nội: Hà Nội Mới. Available: <https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Xa-hoi/978018/tra-luong-huu-qua-the-atm---nhieu-noi-ban-khoan> [Accessed 30/08 2022].
13. Lê Khanh. 2020. *Hà Nội chi trả lương hưu, trợ cấp xã hội qua thẻ ATM* [Online]. Hà Nội Mặt trận tổ quốc Việt Nam Available: <http://daidoanket.vn/ha-noi-chi-tra-luong-huu-tro-cap-xa-hoi-qua-the-atm-464352.html> [Accessed 03/10 2022].
14. Mai, N. T. T., Chau, N. M., Duc, L. M., Mai, P. N., Tran, V. K. H., Ngoc, N. H. & Hung, P. T. (2018). Antecedents of purchase intention toward organic food: A study of young consumers in Vietnam. 1-27.
15. Mai, N. T. T., Smith, K. & Cao, J. R. (2009). Measurement of Modern and Traditional Self-Concepts in Asian Transitional Economies. *Journal of Asia-Pacific Business*, 10.
16. Ndubisi, N. O. (2006). Factors of Online Learning Adoption: A Comparative Juxtaposition of the Theory of Planned Behaviour and the Technology Acceptance Model. *International Journal on ELearning*, 5.
17. Nguyễn Vũ Hùng, Cường, N. H. & Thoa, H. B. (2016). Tiêu dùng xanh: Các yếu tố thúc đẩy mối quan hệ từ ý định tới hành vi. *Kinh tế và Phát triển*, 233, 8.
18. Quốc Hội (2018). Luật Bảo hiểm Xã hội - Văn bản hợp nhất. *Công Báo*, 111+112, 9-67.
19. Siyal, A. W., Ding, D., Umrani, W., Siyal, S. & Bhand, S. (2019). Predicting Mobile Banking Acceptance and Loyalty in Chinese Bank Customers. *SAGE Open*, 9, 215824401984408.
20. Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B. & Davis, F. D. (2003). User Acceptance of Information Technology: Toward a Unified View. 27, 3.
21. Zhang, T., Lu, C. & Kizildag, M. (2018). Banking “on-the-go”: examining consumers’ adoption of mobile banking services. *International Journal of Quality and Service Sciences*, 10, 279-295.

Summary

This study aims to determine the factors affecting the intention to accept pensions through the pensioner's account in Hanoi. The research model is built based on extending the technology acceptance model (TAM). Two new factors are added characteristics of people in countries with transition economies: the perception of traditional self and the perception of modern self. This study uses the Structure Equation Model to analyze a sample of 518 people receiving cash pensions in 30 districts in Hanoi. The results show that the attitude and perception of the usefulness of receiving pensions through the account positively affect the intention of pensioners. Meanwhile, attitude is influenced by perceived usefulness, perceived ease of use, perception of modern self, and perception of traditional self. Based on the research results, the author has proposed some governance implications to encourage people receiving cash pensions to accept pensions through bank accounts.